

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/HS-ST

Ngày: 10-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trịnh Thanh

+ Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 4 và ngày 04, ngày 05, ngày 06, ngày 07, ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1- **Trần R** (Tên gọi khác: Ba B), sinh ngày 17/12/1993 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn XA, xã TH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn ML, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần X, sinh năm 1966 và bà Lê Thị S, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 29/11/2019, bị Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Đánh bạc trái phép” với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp phạt; bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2020 đến nay; có mặt.

2- **Trần S**, sinh ngày 26/5/1998 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn XA, xã TH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn ML, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần X, sinh năm 1966 và bà Lê Thị S, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 04/9/2020 đến nay; có mặt.

Bị hại:

1- Ông Phạm T, sinh năm 1987, có mặt

2- Ông Phạm T, sinh năm 1989, có mặt

3- Ông Phạm Văn P, sinh năm 1998, có mặt

Cùng trú tại: Thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn XA, xã TH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2- Ông Đỗ P, sinh năm 1997, địa chỉ: Xóm KL, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3- Ông Trần X, sinh năm 1966, bà Lê Thị S, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn ML, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Ông X vắng mặt, bà S có mặt.

4- Ông Trần Văn T, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn KX, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5- Ông Trần Việt P, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn TC, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

6- Ông Phạm Thành Tâm, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm KL, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7- Bà Võ Thị Hồng Thi, sinh năm 1999, địa chỉ: Xóm KL, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

8- Bà Võ Thị Yên N, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm KL, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người làm chứng:

1- Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1997, địa chỉ: Xóm KL, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2- Ông Phạm Văn A, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Giám định viên: Ông Phạm Ngọc P- chức vụ: Giám đốc Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi-Sở y tế, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/4/2020, ông Phạm T là bạn bè, vừa là bà con với Trần R, ông T cho R mượn số tiền 1.000.000 đồng trong thời hạn 3 ngày trả, tuy nhiên đến hạn trả R không có tiền trả nên giữa hai bên có xảy ra cãi vã và thách thức đòi đánh nhau trong các ngày 19 và ngày 20/4/2020. Đến chiều ngày 21/4/2020, ông T đi cùng ông Phạm Văn P (là em ruột ông T) và ông Trần Việt P (là bạn bè với ông T) đến nhà của bà Lê Thị S (là mẹ ruột của R) để tìm R nhưng không có ở nhà. Lúc này, ba ruột của R là ông Trần X đang ngồi ở trước nhà, ông T lại nói: “*Riêng con dưỡng tui bỏ ra một trăm triệu tui chém nó được*”, sau đó T, P và Phô đi về lại nhà của anh Phạm T (là anh ruột của P và T) ở tại thôn Cổ Lũy, xã Tịnh Khê để nhậu cùng với ông T và ông Trần Văn T (là bạn bè của ông T).

Sau khi ông T đi về, ông X gọi điện thoại cho Trần R nói: “*Làm gì để đám thằng T nó lên nhà chửi bới đòi chém giết*”. Rồi nghe vậy nên bức tức nảy sinh ý định qua nhà ông Phạm T để tìm đánh ông T. Trần R đi về nhà lấy 01 cây rựa dài 62,8cm, có phần lưỡi kim loại dài 33cm và điện thoại cho Trần S (là em ruột của Trần R), nói chuyện ông T lên nhà chửi bới đòi chém, giết và R rủ S đi đánh nhau, S đồng ý và nói: “*Ông đi thì tui cũng đi*”. Trần R bỏ cây rựa vào trong bao (*bao màu vàng, loại bao dùng để đựng thóc*) và cuộn lại cầm trên tay đi bộ đến nhà ông Phạm T. Khi đi đến đầu cầu phía Đông cầu Khê Kỳ, R gặp bạn là Nguyễn Quốc V đang điều khiển xe mô tô biển số: 59V1-847.34 lưu thông theo hướng Bắc vào Nam (hướng đi đến nhà ông Phạm T), Trần R nhờ Nguyễn Quốc V chở đi một đoạn khoảng 50m thì R xuống xe

đội bị cáo S đến, ông V có hỏi Rời: “Đi đâu vậy”, R trả lời: “Đi lên đây xúu”. Trong lúc này, Trần S đi về nhà lấy 01 cây kiếm dài 44 cm, có phần lưỡi kim loại dài 28cm, có bao vỏ bên ngoài, S giấu trong áo khoác không cho ai thấy. Sau đó, Trần S điện thoại nhờ bạn là Đỗ P chở đến khu vực gần cầu Khê Kỳ (địa điểm Trần R đã đứng chờ sẵn, cách nhà ông T khoảng 500m), Đỗ P không biết là chở đi đánh nhau nên đồng ý chở Trần S đến địa điểm trên.

Sau khi gặp nhau tại điểm hẹn, Trần S xuống xe đi bộ cùng Trần R đến nhà ông Phạm T, lúc này P và V tò mò nên cả hai cùng điều khiển xe máy đi theo phía sau để xem. Khi đến trước nhà ông Phạm T (bên trong nhà đang nhậu), S gọi to: “Lớn đâu, ông ra đây”, ông T đi từ trong nhà ra trước cổng đứng đối diện, cách S khoảng 2m, chưa kịp nói gì thì R cùng S xông vào chém ông T. R chém không trúng ông T, còn S chém ông T theo hướng xiên từ trên xuống, từ phải qua trái, ông T thấy vậy nên đưa tay trái lên đỡ che mặt thì bị trúng vào tay trái, mặt trái gây thương tích chảy máu, ông T bị thương nên đi lùi về phía sau vào trong nhà.

Lúc này, ông T và ông P thấy vậy nên chạy ra phía trước cổng nhà, tiếp tục S lao vào cầm kiếm bằng tay phải chém xiên từ trên xuống, từ phải qua trái vào ông P, ông P lấy cây tre dài khoảng 1,7m gần đó ra đỡ ngang mặt thì lưỡi kiếm trúng vào cây tre, còn mũi kiếm trúng vào vai trái của ông P gây thương tích chảy máu, ông P dùng cây tre đánh trả lại trúng vào tay trái của S nhưng không gây thương tích, tiếp tục S chém phát thứ hai giống phát đầu tiên, anh P đưa cây tre ra đỡ ngang mặt thì bị trúng vào mu bàn tay trái của ông P gây thương tích, S tiếp tục chém thêm một phát nữa nhưng không trúng ông P mà trúng vào cây tre làm gãy một đoạn.

Cùng lúc này, Trần R cầm rựa bằng tay phải lao vào ông T chém theo hướng xiên từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, ông T đưa tay trái ra đỡ thì bị trúng vào cổ tay trái gây thương tích chảy máu, ông T lùi lại và chạy về phía S và P đang đánh nhau. Lúc này, V đứng bên ngoài thấy đánh nhau nên vào can ngăn dùng hai tay đẩy S và P ra không cho đánh nhau, làm cho S bị đẩy về sau và vấp ngã. Rồi thấy vậy nên chạy lại chỗ S, mục đích để đỡ S đứng dậy. R chạy phía sau, định vòng qua bên trái né tránh ông T. Tuy nhiên, ông T đang chạy thì dừng lại, xoay người chạy theo hướng ngược lại, thì gặp R đang chạy đến theo hướng đối diện, hơi lệch sang phải, cách nhau khoảng 0,5m. R bị giật mình nên tay phải cầm rựa vung lên chém ngang từ sau ra trước, từ phải qua trái trúng vào vùng miệng của ông T một cái gây chảy máu.

R không chém nữa mà tiếp tục chạy đến đỡ S đứng dậy. Lúc này, ông T từ trong nhà chạy ra ném vỏ chai bia về phía R, S và V nhưng không trúng, cả ba người thấy vậy nên bỏ chạy khỏi hiện trường. Trong lúc bỏ chạy, S vớt cây kiếm ở dọc bờ sông Kinh, R về nhà cất cây rựa.

Sau khi R, S bỏ chạy, bà Lê Thị S điều khiển xe mô tô biển số: 76B1-174.84 đi ngang qua nhà ông T. Ông P thấy bà S đang điều khiển xe mô tô trên, do bức tức vì bị Trần R và Trần S chém gây thương tích nên ông P dùng chân đạp vào mặt nạ phía trước xe mô tô biển số: 76B1-174.84, làm xe mô tô cùng bà S bị ngã xuống nền đường. Hậu quả làm xe mô tô biển số: 76B1-174.84 bị hư hỏng nhẹ, bà S không bị thương tích gì. Sau đó, ông T, T và P được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi để cấp cứu.

Ngày 11/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm thương tích đối với Phạm T, Phạm T và Phạm Văn P;

ngày 13/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung tỷ lệ phần trăm thương tích đối với Phạm T và Phạm Văn P.

Ngày 14/5/2020, Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi có kết luận giám định pháp y về thương tích với đối với Phạm T, Phạm T và Phạm Văn P; ngày 14/8/2020, Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi có kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) đối với Phạm T và Phạm Văn P. Kết luận giám định như sau:

* Đối với ông Phạm T:

- 01 sẹo gò má cạnh tai trái kích thước (7x0,3)cm: 06%.

- 01 sẹo cẳng tay trái kích thước (3,5x0,2)cm: 01%.

Tổng cộng là: 07%

Các vết thương trên phù hợp với vật sắc gây ra.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 07% (bảy phần trăm).

* Đối với ông Phạm T:

- Gãy xương hàm trên bên trái: 10%.

- 01 sẹo môi trên – má trái kích thước (5,5x0,2)cm: 5,40%.

Phần giám định bổ sung:

- 01 sẹo dát ở cổ tay trái kích thước: (1x0,1)cm: 0,84%.

Tổng cộng là: 15,40% + 0,84% = 16,24%. Làm tròn số = 16%.

Các vết thương trên phù hợp với vật sắc gây ra.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 16% (mười sáu phần trăm).

* Đối với ông Phạm Văn P:

- 01 vết thương đứt gân đuôi ngón 2 bàn tay trái đã khâu: 03%.

- Gãy xương đốt 1 ngón 2 bàn tay trái: 1,94%.

Phần giám định bổ sung:

- 01 sẹo vai trái kích thước (1x0,1)cm: 0,95%.

Tổng cộng là: 4,94% + 0,95% = 5,89%. Làm tròn số = 06%

Các vết thương trên phù hợp với vật sắc gây ra.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06% (sáu phần trăm).

Ngày 25/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

- Làm rõ và giám định bổ sung 05 cái răng bị gãy của Phạm T thương tích bao nhiêu phần trăm (Đơn yêu cầu giám định thương tích bổ sung của Phạm Tâm nộp ngày 13/11/2020).

- Cần điều tra, khởi tố truy tố hành vi của Trần S, Trần R về tội “Giết người”, vì Trần S dùng kiếm và Trần R dùng rựa chém vào phần trọng yếu của cơ thể bị hại Phạm T, Phạm T và Phạm Văn P có khả năng dẫn đến chết người.

Ngày 08/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi có công văn số 61/VKS-HS ngày 08/01/2021 trả lời:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi ban hành Công văn số 2072/CV-CSĐT(ĐTTH) ngày 01/12/2020 về việc xác minh thương tích của Phạm T. Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi có công văn số 124/TTPY ngày 03/12/2020 trả lời như sau:

Căn cứ vào hồ sơ bệnh án của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, số vào viện 17059 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi cung cấp. Trong hồ sơ bệnh án không thể hiện gãy răng, nên Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi không xem xét và giám định phần tổn thương răng (gãy răng). Do đó, đơn yêu cầu giám định thương tích bổ sung của Phạm T đối với 05 cái răng bị gãy là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần S, Trần R về tội “Giết người”, nhận thấy:

+ Đối với Trần S cầm cây kiếm chém Phạm T 01 nhát gây thương tích ở gò má cạnh tai trái và cẳng tay trái với tỷ lệ thương tích là 07%. Tiếp tục, S cầm kiếm chém Phạm Văn P 03 nhát trúng vai trái, làm đứt gân đuôi ngón tay 2 bàn tay trái, gãy xương đốt 1 ngón 2 bàn tay trái với tỷ lệ thương tích 06%. Khi chém T một nhát gây thương tích và T đi thụt lùi vào nhà thì S hoàn toàn có đủ điều kiện để đuổi theo tiếp tục chém T nhưng S không đuổi theo chém T nữa, thể hiện S không có ý tước đoạt tính mạng của T. Lúc thấy P và T chạy ra nên S lao vào chém P. P chạy lại nhà dân đang xây dựng (gần nhà T) lấy 01 cây tre đánh lại S nên S tiếp tục cầm kiếm chém P (đánh qua, đánh lại) làm P bị rớt cây tre. Khi đó, T cầm 02 vỏ chia bia Dung Quất từ trong nhà chạy ra ném về phía S và R. Mặc dù lúc này S đang ở thế chủ động (T bị thương nặng dưới đất; P bị rớt cây tre), có thể tiếp tục dùng hung khí tấn công (đánh, chém) P nhưng S không chém nữa mà cùng với R rời khỏi hiện trường. Điều này thể hiện S không có ý tước đoạt tính mạng của P.

Mặc khác, trong những thương tích mà S gây ra cho T và P không có thương tích nào ở vùng trọng yếu trên cơ thể của T và P và những thương tích đó không đến mức có thể gây hậu quả chết người.

Đối với Trần R cầm rựa chém Phạm T 02 nhát gây thương tích ở cổ tay trái, làm gãy xương hàm bên trái (gây vết thương ở môi trên-má trái) với tỷ lệ thương tích 16%. Trần R không cố ý nhắm vào một bộ phận trọng yếu nào trên cơ thể của T để chém và mức độ tấn công không liên tục (nhát thứ nhất, R chém T trúng vào cổ tay trái, không phải là vùng trọng yếu trên cơ thể; nhát thứ hai, do trong lúc chạy tới chỗ S thì T dừng lại nên R bị bất ngờ, cho rằng T quay lại đánh mình nên theo phản xạ tự nhiên, R cầm rựa quơ ngang theo hướng từ sau ra trước, từ phải qua trái trúng vào vùng miệng của T chứ không phải cố ý chém vào vùng miệng của T), thương tích gây ra cho T không đến mức có thể gây ra hậu quả chết người; hơn nữa, khi thấy T dùng tay bịt miệng, máu chảy ra thì R dừng lại không chém nữa. Điều này cho thấy R không có ý thức tước đoạt tính mạng của T. Do vậy, chưa đủ cơ sở xác định hành vi của Trần R, Trần S phạm vào tội “Giết người” quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 09-10-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Trần R, Trần S về tội “Cố ý

gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần R, Trần S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Trần R từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, bị cáo Trần S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 cây rựa dài 62,8cm (cán bằng gỗ dài 29,8cm, lưỡi kim loại dài 33cm); 01 cây kiếm dài 44cm (cán nhựa dài 16cm, lưỡi kim loại dài 28cm); 01 vỏ nhựa màu đen, dài 36,5cm.

+ 01 vỏ chai thủy tinh màu nâu đậm, trên thân vỏ chai có ghi dòng chữ “*bia Dung Quất*”; 01 đôi dép da màu đen; 01 khúc cây tre hình trụ tròn, dài 1,08m, đường kính 0,03m; 01 viên gạch 6 lỗ màu cam có kích thước: (17x11x8)cm; 01 áo thun màu trắng trên bề mặt áo có bím dính chất lạ màu nâu đỏ; 01 áo thun màu xám có bím dính chất lạ màu nâu đỏ.

Về phần dân sự: Áp dụng các Điều 585, 587, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Trần R, Trần S phải liên đới bồi thường các khoản thiệt hại cho Phạm T 58.459.960 đồng, Phạm T 17.115.000 đồng, Phạm Văn P 30.031.472 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận giữa bà Lê Thị S và ông Phạm T. Bà Lê Thị S đồng ý hỗ trợ cho ông Phạm T 50.000.000 đồng để khắc phục 05 cái răng gãy, đã giao cho ông Phạm T nhận 20.000.000 đồng, bà Lê Thị S còn phải thanh toán tiếp cho ông Phạm T 30.000.000 đồng, ngoài số tiền mà buộc các bị cáo bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người làm chứng: Ông Nguyễn Trung K, ông Phạm Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Đỗ P, ông Trần X, ông Trần Văn T, ông Trần Việt P, ông Phạm Thành T, bà Võ Thị Hồng T, bà Võ Thị Yến N, giám định viên: Ông Phạm Ngọc P đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có trình bày, lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293, Điều 294 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trần R, Trần S khai nhận hành vi phạm tội của mình: Xuất phát từ mâu thuẫn về chuyện tiền bạc giữa Phạm T và Trần R, nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/4/2020, Trần R cầm theo 01 cây rựa dài 62,8cm là hung khí nguy hiểm đi cùng bị cáo Trần S cầm theo một cây kiếm dài 44cm tới nhà ông Phạm T, bị cáo S dùng cây kiếm chém gây thương tích cho ông T với tỷ lệ thương tích là 07%, chém gây thương tích cho ông P với tỷ lệ thương tích là 06%; bị cáo Trần R dùng cây rựa chém gây thương tích cho ông Phạm T với tỷ lệ thương tích là 16%.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa có căn cứ xác định, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ giữa bị cáo Trần R và bị hại Phạm T mà các bị cáo R, S đã dùng kiếm, rựa là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho ông T, ông P và ông T, hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích của ông Phạm T, ông Phạm T, ông Phạm Văn P, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương do các bị cáo R, S gây ra. Hành vi của các bị cáo R, S dùng kiếm, rựa chém vào người của ông T, ông T, ông P gây thương tích cho ông T 16%, gây thương tích cho ông T 07%, gây thương tích cho ông P 06%. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của các bị cáo Trần R, Trần S mà bản Cáo trạng của Viện KSND TP Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Trần R, Trần S về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ (điểm a, i khoản 1) khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của các bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải được xét xử nghiêm minh theo pháp luật và áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội ở địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm, nhưng đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có vai trò khác nhau trong việc thực hiện tội phạm, cụ thể:

[2.1] Đối với bị cáo Trần R: Là người trực tiếp điện thoại cho bị cáo S. Sau khi được bị cáo S đồng ý đến nhà ông T để chém ông T, ông P, ông T, bị cáo R cầm 1 cây rựa trực tiếp chém 02 nhát vào người ông T trúng vào cổ tay trái, vào miệng gây thương tích là 16%. Bị cáo R giữ vai trò là người khởi xướng, thực hành. Về nhân thân của bị cáo: Ngày 29/11/2019, bị Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “*Đánh bạc trái phép*” với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Cần phải xử phạt bị cáo R mức án nghiêm.

Tuy nhiên bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, gia đình bị cáo có công cách mạng, bà nội Cao Thị P, bà ngoại Phạm Thị D có công cách mạng, bác ruột Trần Ngọc H và chú ruột Trần Ngọc T đều là liệt sỹ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.2] Đối với bị cáo Trần S: Sau khi nghe Trần R điện thoại nói bị nhóm của ông T đến nhà nói đòi chém giết nên đến nhà ông T tìm chém ông T, ông T, ông P thì bị cáo S đồng ý cầm cây kiếm và chém 01 nhát vào người của ông T gây thương tích ở gò má cạnh tai trái và cẳng tay trái với tỷ lệ thương tích là 07% và chém 03 nhát vào người Phạm Văn P gây thương tích ở vai trái và tay trái của ông P gây thương tích 06%. Bị cáo Trần S giữ vai trò là người thực hành. Cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm.

Tuy nhiên bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, gia đình bị cáo có công cách mạng, bà nội Cao

Thị P, bà ngoại Phạm Thị D có công cách mạng, bác ruột Trần Ngọc H và chú ruột Trần Ngọc T đều là liệt sỹ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Nguyễn Quốc V người điều khiển xe mô tô biển số: 59V1-847.34 chở bị cáo R đi một đoạn khoảng 50m thì dừng lại, đợi bị cáo S. Lúc này, ông V có hỏi bị cáo: “*Đi đâu vậy*”, bị cáo R trả lời: “*Đi lên đây xú*”. ông V hoàn toàn không biết các bị cáo R và S đi đánh nhau và không tham gia cùng các bị cáo gây thương tích. Khi thấy bị cáo S và ông P đánh nhau thì ông V có vào can ngăn, không cho đánh nhau. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không xử lý Nguyễn Quốc V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

- Đối với Đỗ P là người chở bị cáo Trần S từ nhà bị cáo đến địa điểm hẹn trước với bị cáo Trần R, sau đó các bị cáo R và S đi bộ đến nhà ông Phạm T để đánh nhau. Quá trình chở bị cáo S đi ông P hoàn toàn không biết là chở đi đánh nhau và khi xảy ra sự việc ông P ngồi trên xe mô tô chứng kiến không tham gia cùng với các bị cáo đánh nhau ở trước nhà ông T. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không đủ căn cứ để xử lý đồng phạm đối với Đỗ P về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

- Đối với hành vi của Phạm Văn P: Hành vi dùng chân đạp xe mô tô biển số: 76B1-174.84 ngã xuống nền đường gây hư hỏng, qua định giá giá trị bị thiệt hại của xe mô tô biển số: 76B1-174.84 là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Qua xác minh, ông P chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy, hành vi của ông P chưa đủ yếu tố cấu thành tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” được quy định tại Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bà Lê Thị S cũng không yêu cầu ông Phạm Văn P bồi thường bị thiệt hại của xe mô tô biển số: 76B1-174.84 là 900.000 đồng. Do đó, Công an TP Quảng Ngãi đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn P, với số tiền: 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

[3.1] Tại phiên tòa ông Phạm T yêu cầu bồi thường như sau:

1/ Tiền thuốc ở bệnh viện và ở nhà là 11.459.960 đồng (theo chứng từ đã nộp), thì tại phiên tòa các bị cáo R, S đồng ý bồi thường.

2/ Tiền xe taxi lên xuống bệnh viện là 2.150.000 đồng, thì tại phiên tòa các bị cáo R, S đồng ý bồi thường.

3/ Tiền ăn uống hàng ngày bồi dưỡng bệnh là 150.000 đồng/ngày, nhân cho 03 tháng 10 ngày là 15.000.000 đồng.

4/ Tiền công lao động hiện tại ông T làm nghề biển, công của ông T mỗi ngày thu nhập là 500.000 đồng, nhân cho 03 tháng 10 ngày là 50.000.000 đồng.

5/ Em ruột của ông T là Phạm Thành T nuôi dưỡng ông T 01 tháng, công làm một ngày của ông Phạm Thành T là 300.000 đồng, nhân cho 01 tháng là 9.000.000 đồng.

6/ Tổn thất tinh thần 34 tháng là 50.660.000 đồng.

Tổng cộng ông Phạm T yêu cầu các bị cáo Trần R, Trần S phải bồi thường số tiền 138.269.960 đồng.

Qua xem xét yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại của ông Phạm T, Hội đồng xét xử chấp nhận những khoản thiệt hại hợp lý, thực tế và buộc bị cáo R và S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm T như sau:

1/ Tiền thuốc ở bệnh viện và ở nhà là 11.459.960 đồng.

2/ Tiền xe taxi lên xuống bệnh viện là 2.150.000 đồng.

3/ Ông T yêu cầu bồi thường tiền bồi dưỡng một ngày 150.000 đồng nhưng chỉ chấp nhận 100.000 đồng/ngày (vì số ngày thực tế bồi dưỡng của ông T nhiều). Tiền ăn uống hàng ngày bồi dưỡng bệnh là 100.000 đồng/ngày x 03 tháng (90 ngày) [90 ngày, cụ thể nằm viện 15 ngày + 30 ngày (tháo cố định xương hàm sau 01 tháng) + 45 ngày chưa lao động được do vết thương chưa ổn định] = 9.000.000 đồng.

4/ Ông T yêu cầu bồi thường tiền công làm nghề biển một ngày 500.000 đồng nhưng không ổn định nên áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động 300.000 đồng/ngày. Tiền công lao động của ông T mỗi ngày thu nhập là 300.000 đồng x 03 tháng [90 ngày, cụ thể nằm viện 15 ngày + 30 ngày (tháo cố định xương hàm sau 01 tháng) + 45 ngày chưa lao động được do vết thương chưa ổn định] = 27.000.000 đồng.

5/ Tiền công của người chăm sóc cho ông T 15 ngày x 300.000 đồng/ngày = 4.500.000 đồng.

6/ Tiền để bù đắp tổn thất tinh thần 15 tháng là 22.350.000 đồng.

Tổng cộng chấp nhận các khoản thiệt hại của ông Phạm T là: 76.459.960 đồng. Buộc các bị cáo R, S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm T 76.459.960 đồng, trong đó bị cáo R bồi thường tương ứng với mức độ lỗi 2/3 cho Phạm T là 50.973.307 đồng, bị cáo S bồi thường tương ứng với mức độ lỗi 1/3 cho Phạm T là 25.486.653 đồng.

Trước khi mở phiên tòa (ngày 18/03/2021) bà Lê Thị S (mẹ của các bị cáo) đồng ý hỗ trợ cho ông Phạm T 50.000.000 đồng để khắc phục 05 cái răng gãy, đã giao cho ông T nhận 20.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng bà S tiếp tục thanh toán cho ông Phạm T; ông Phạm T đồng ý nhận và đề nghị Tòa án ghi nhận việc hỗ trợ. Xét thấy giữa bà S và ông T tự nguyện, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận này của bà S và ông T, bà S còn thanh toán tiếp cho ông T 30.000.000 đồng, ngoài số tiền mà buộc các bị cáo bồi thường.

[3.2] Tại phiên tòa ông Phạm T yêu cầu bồi thường như sau:

1/ Tiền thuốc ở bệnh viện, ở nhà 1.315.000 đồng, thì tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường.

2/ Tiền xe taxi lên xuống bệnh viện là 850.000 đồng, thì tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường.

3/ Tiền bồi dưỡng bệnh là 150.000 đồng/ngày, nhân cho 01 tháng là 4.500.000 đồng, thì tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường.

4/ Tiền công lao động hiện tại làm nghề biển, công của mỗi ngày thu nhập là 600.000 đồng, nhân cho 01 tháng là 18.000.000 đồng.

5/ Vợ của ông T nuôi dưỡng 10 ngày, công làm một ngày của vợ là 300.000 đồng, nhân cho 10 ngày là 3.000.000 đồng.

6/ Tiền tổn thất tinh thần của 05 tháng là 7.450.000 đồng, thì tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường.

Tổng cộng 35.115.000 đồng.

Qua xem xét yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại của ông Phạm T, Hội đồng xét xử chấp nhận những khoản thiệt hại hợp lý, thực tế và buộc bị cáo R và S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm T như sau:

1/ Tiền thuốc ở bệnh viện, ở nhà 1.315.000 đồng.

2/ Tiền xe taxi lên xuống bệnh viện là 850.000 đồng.

3/ Tiền bồi dưỡng bệnh là 150.000 đồng/ngày, nhân cho 01 tháng (thực tế 30 ngày chưa lao động được do vết thương chưa ổn định) là 4.500.000 đồng.

4/ Ông T yêu cầu bồi thường tiền công làm nghề biển một ngày 600.000 đồng nhưng không ổn định nên áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động 300.000 đồng/ngày. Tiền công lao động của ông T mỗi ngày thu nhập là 300.000 đồng x 30 ngày (thực tế 30 ngày chưa lao động được do vết thương chưa ổn định) = 9.000.000 đồng.

5/ Tiền công của người chăm sóc cho ông T 10 ngày (thực tế ông T bị thương tích vợ của ông T ở nhà chăm sóc 10 ngày) x 300.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng.

6/ Tiền để bù đắp tổn thất tinh thần 05 tháng là 7.450.000 đồng.

Tổng cộng chấp nhận các khoản thiệt hại của ông Phạm T là: 26.115.000 đồng. Buộc các bị cáo R, S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm T 26.115.000 đồng, trong đó bị cáo S bồi thường tương ứng với mức độ lỗi 2/3 cho Phạm T là 17.410.000 đồng, bị cáo R bồi thường tương ứng với mức độ lỗi 1/3 cho Phạm T là 8.705.000 đồng.

[3.3] Tại phiên tòa ông Phạm Văn P yêu cầu bồi thường như sau:

1/ Tiền thuốc ở bệnh viện và ở nhà 8.391.472 đồng, thì các bị cáo đồng ý bồi thường.

2/ Tiền xe taxi lên xuống bệnh viện là 1.600.000 đồng, thì các bị cáo đồng ý bồi thường.

3/ Tiền ăn uống hàng ngày bồi dưỡng bệnh là 150.000 đồng/ngày, nhân cho 06 tháng là 27.000.000 đồng.

4/ Tiền công lao động hiện tại làm nghề biển công mỗi ngày thu nhập là 600.000 đồng, nhân cho 06 tháng là 108.000.000 đồng.

5/ Vợ nuôi dưỡng chăm sóc ông P 02 tháng, công làm một ngày của vợ là 300.000 đồng, nhân cho 02 tháng là 18.000.000 đồng.

6/ Hiện tại con của ông P còn nhỏ nên phải cần uống sữa và ăn thêm 50.000 đồng/ngày, nhân cho 06 tháng là 9.000.000 đồng.

7/ Tổn thất tinh thần 06 tháng là 8.940.000 đồng, thì các bị cáo đồng ý bồi thường.

Tổng cộng yêu cầu bồi thường số tiền 180.931.472 đồng.

Qua xem xét yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại của ông Phạm Văn P, Hội đồng xét xử chấp nhận những khoản thiệt hại hợp lý, thực tế và buộc các bị cáo R và S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm Văn P như sau:

1/ Tiền thuốc ở bệnh viện và ở nhà 8.391.472 đồng.

2/ Tiền xe taxi lên xuống bệnh viện là 1.600.000 đồng.

3/ Tiền ăn uống hàng ngày bồi dưỡng bệnh là 150.000 đồng/ngày, nhân cho 01 tháng là 4.500.000 đồng.

4/ Ông T yêu cầu bồi thường tiền công làm nghề biển một ngày 600.000 đồng nhưng không ổn định nên áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động 300.000 đồng/ngày. Tiền công lao động của ông T mỗi ngày thu nhập là 300.000 đồng x 01 tháng (30 ngày) [30 ngày, cụ thể nằm viện 04 ngày + 26 ngày chưa lao động được do vết thương chưa ổn định] = 9.000.000 đồng.

5/ Vợ của ông P chăm sóc ông P 10 ngày (cụ thể nằm viện 04 ngày + 06 ngày ông P cũng chưa tự chăm sóc được), công làm một ngày của vợ ông P là 300.000 đồng, 10 ngày x 300.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng.

6/ Tổn thất tinh thần 06 tháng là 8.940.000 đồng.

Tổng cộng chấp nhận các khoản thiệt hại của ông Phạm Văn P là: 35.431.472 đồng. Buộc các bị cáo R, S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm Văn P là 35.431.472 đồng, trong đó bị cáo S bồi thường tương ứng với mức độ lỗi 2/3 cho Phạm Văn P là 23.620.982 đồng, bị cáo R bồi thường tương ứng với mức độ lỗi 1/3 cho Phạm Văn P là 11.810.490 đồng.

Ông Phạm Văn P yêu cầu bồi thường: Hiện tại con của ông còn nhỏ nên phải cần uống sữa và ăn thêm 50.000 đồng, nhân cho 06 tháng là 9.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy ông P yêu cầu khoản bồi thường này không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Các bị cáo R, S dùng kiếm, rựa chém ông T, ông T, ông P, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 cây rựa dài 62,8cm (cán bằng gỗ dài 29,8cm, lưỡi kim loại dài 33cm); 01 cây kiếm dài 44cm (cán nhựa dài 16cm, lưỡi kim loại dài 28cm); 01 vỏ nhựa màu đen, dài 36,5cm là công cụ mà các bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 vỏ chai thủy tinh màu nâu đậm, trên thân vỏ chai có ghi dòng chữ “*bia Dung Quất*”; 01 đôi dép da màu đen; 01 khúc cây tre hình trụ tròn, dài 1,08m, đường kính 0,03m; 01 viên gạch 6 lỗ màu cam có kích thước: (17x11x8)cm; 01 áo thun màu trắng trên bề mặt áo có bím dính chất lạ màu nâu đỏ; 01 áo thun màu xám có bím dính chất lạ màu nâu đỏ, không còn giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển số: 76B1-174.84, hiệu Honda SH-mode, màu đỏ đậm. Đây là xe của bà Lê Thị S làm chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà S là có căn cứ.

- Đối với xe mô tô biển số: 59V1-847.34, hiệu wave, màu đen, không liên quan đến vụ án và chưa xác định được chủ sở hữu, nên Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi tiếp tục xác minh, làm rõ đề nghị xử lý sau là có căn cứ.

- Số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Đây là số tiền gia đình các bị cáo Trần S, Trần R nộp để khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí trong vụ án hình sự:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo Trần R, Trần S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $50.973.307 \text{ đồng} + 8.705.000 \text{ đồng} + 11.810.490 \text{ đồng} = 71.488.797 \text{ đồng} \times 5\% = 3.574.439 \text{ đồng}$. Bị cáo Trần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $25.486.653 + \text{đồng} 17.410.000 \text{ đồng} + 23.620.982 \text{ đồng} = 66.517.635 \text{ đồng} \times 5\% = 3.325.881 \text{ đồng}$. Ông Phạm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông không được Tòa án chấp nhận là $138.269.960 \text{ đồng} - 76.459.960 \text{ đồng} = 61.810.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.090.500 \text{ đồng}$, ông Phạm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông không được Tòa án chấp nhận là $35.115.000 \text{ đồng} - 26.115.000 \text{ đồng} = 9.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 450.000 \text{ đồng}$, ông Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông không được Tòa án chấp nhận là $180.931.472 \text{ đồng} - 35.431.472 \text{ đồng} = 145.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.275.000 \text{ đồng}$ nhưng ông T, ông T, ông P có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ngày 17/11/2020, do đó Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, ông T, ông P.

Trước khi mở phiên tòa bà Lê Thị S đồng ý hỗ trợ cho ông Phạm T 50.000.000 đồng để khắc phục 05 cái răng gãy, đã giao cho ông T nhận 20.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng bà S tiếp tục thanh toán cho ông Phạm T; ông Phạm T đồng ý nhận và đề nghị Tòa án ghi nhận việc hỗ trợ thì bà Lê Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[7] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với một phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần R, Trần S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1/ Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần R 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/8/2020.

Xử phạt: Bị cáo Trần S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 04/9/2020.

2/ Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Trần R, Trần S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm T 76.459.960 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), trong đó Trần R bồi thường cho ông Phạm T là 50.973.307 đồng (Năm mươi triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng), Trần S bồi thường cho ông Phạm T là 25.486.653 đồng (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận giữa bà Lê Thị S (mẹ của các bị cáo) và ông Phạm T. Bà Lê Thị S đồng ý hỗ trợ cho ông Phạm T 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục 05 cái răng gãy, đã giao cho ông Phạm T nhận 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà Lê Thị S còn phải thanh toán tiếp cho ông Phạm T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), ngoài số tiền mà buộc các bị cáo bồi thường.

Buộc Trần R, Trần S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm T là 26.115.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng), trong đó Trần S bồi thường cho ông Phạm T là 17.410.000 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm mười nghìn đồng), Trần R bồi thường cho Phạm T là 8.705.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

Buộc Trần R, Trần S phải liên đới bồi thường cho ông Phạm Văn P là: 35.431.472 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng), trong đó Trần S bồi thường cho Phạm Văn P là 23.620.982 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng), Trần R bồi thường cho Phạm Văn P là 11.810.490 đồng (Mười một triệu, tám trăm mười nghìn, bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 cây rựa dài 62,8cm (cán bằng gỗ dài 29,8cm, lưỡi kim loại dài 33cm); 01 cây kiếm dài 44cm (cán nhựa dài 16cm, lưỡi kim loại dài 28cm); 01 vỏ nhựa màu đen, dài 36,5cm; 01 vỏ chai thủy tinh màu nâu đậm, trên thân vỏ chai có ghi dòng chữ “*bia Dung Quất*”; 01 đôi dép da màu đen; 01 khúc cây tre hình trụ tròn, dài 1,08m, đường kính 0,03m; 01 viên gạch 6 lỗ màu cam có kích thước (17x11x8)cm; 01 áo thun màu trắng trên bề mặt áo có bím dính chất lạ màu nâu đỏ; 01 áo thun màu xám có bím dính chất lạ màu nâu đỏ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng, tài sản trên có đặc điểm theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22-01-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 22/09/2020 của Công an thành phố Quảng Ngãi).

- Đối với xe mô tô biển số: 59V1-847.34, hiệu wave, màu đen, không liên quan đến vụ án và chưa xác định được chủ sở hữu, nên Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi tiếp tục xác minh, làm rõ đề nghị xử lý sau là có căn cứ.

4/ Về án phí trong vụ án hình sự.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Mỗi bị cáo Trần R, Trần S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm c, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Trần R phải chịu 3.574.439 đồng (Ba triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng), Trần S phải chịu 3.325.881 đồng (Ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm; ông Phạm T phải chịu 3.090.500 đồng, ông Phạm T phải chịu 450.000 đồng, ông Phạm Văn P phải chịu 7.275.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Phạm T, ông Phạm T, ông Phạm Văn P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt khi tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS, cơ quan CSĐT, cơ quan hồ sơ nghiệp vụ-Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp Quảng Ngãi;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng